

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 09-8-2023
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nhật Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Trai.

Ông Phan Quốc Phong.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thạch Ươn – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 09 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2023/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 5 năm 2023 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 439/2023/QĐXXST – HNGĐ, ngày 25 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Thiện H, sinh năm 1984 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị

- Bị đơn: Chị Võ Thị N, sinh năm 1986 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp L, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai cùng đề ngày 21/02/2023 của anh Lê Thiện H trình bày: Anh với chị Võ Thị N do tự quen biết tìm hiểu nhau và được sự đồng ý của hai bên gia đình tổ chức lễ cưới năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Nữ trang cưới gồm 02 chỉ vàng 18 Kra vợ chồng đã bán hết để tiêu sài hiện không còn.

Sau khi cưới, vợ chồng chung sống tại ấp L, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi làm cho gia đình không hạnh phúc đến ngày 10/01/2011 thì anh bỏ về quê tại

Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Do kinh tế khó khăn và nhận thấy nếu vợ chồng tiếp tục sống chung sẽ không còn hạnh phúc nữa nên anh quyết định không trở về quê vợ cho đến nay vợ chồng đã ly thân gần 12 năm. Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị N.

Về con chung; Về tài sản chung; Về nợ chung phải thu, phải trả: Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung, không tạo lập được tài sản chung, không thiếu nợ ai và cũng không ai thiếu nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai ngày 11-7-2023, bị đơn chị Võ Thị N trình bày: Chị và anh Lê Thiện H do tự quen biết, tìm hiểu nhau được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới năm 2009 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Nữ trang cưới gồm 02 chỉ vàng 18Kra vợ chồng đã thống nhất bán hết để sử dụng chung hiện không còn.

Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc tại ấp L, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng thường bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong việc làm ăn nên thường xuyên cự cãi làm cho gia đình không hạnh phúc nên anh H đã bỏ đi khỏi địa phương vợ chồng cũng ly thân từ đó cho đến nay là 12 năm. Nay anh H yêu cầu ly hôn với chị thì chị đồng ý ly hôn với anh Lê Thiện H do vợ chồng đã ly thân quá lâu tình cảm hiện không còn và không thể hàn gắn được.

Về con chung; Về tài sản chung; Về nợ chung phải thu, phải trả: Quá trình chung sống chị với anh H không có con chung, không tạo lập được tài sản chung, không thiếu nợ ai và cũng không ai thiếu nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện C nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Anh Lê Thiện H là nguyên đơn và chị Võ Thị N là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án nhân dân huyện C triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử vụ án vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 09-8-2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, nhưng anh H, chị N cùng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo luật định.

[2] *Về hôn nhân:* Anh Lê Thiện H1 và chị Võ Thị N xác lập quan hệ hôn nhân từ năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C vào

ngày 02-10-2009 nên hôn nhân giữa anh H, chị N là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh H, chị N chung sống hạnh phúc đến năm đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng thường bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong việc làm ăn nên thường xuyên cự cãi làm cho gia đình không hạnh phúc nên anh H đã bỏ đi khỏi địa phương vợ chồng cũng ly thân từ năm 2011 cho đến nay là trên 12 năm mà không hàn gắn lại được.

[3] Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau,...*”, nhưng anh H, chị N đã không thực hiện được các nghĩa vụ này với nhau. Hiện tại, anh H, chị N mỗi người mỗi việc, sống ở hai nơi khác nhau đã trên 12 năm, không còn quan tâm, cũng không liên hệ để hàn gắn tình cảm vợ chồng và cả anh H, chị N đều có nguyện vọng muốn ly hôn.

[4] Tòa án có thông báo mời hòa giải vào các ngày 17-7-2023, 25-7-2023 để anh H, chị N có cơ hội gặp nhau trao đổi về tình trạng hôn nhân giữa hai người, nhưng anh H đều vắng mặt, nên Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ được đối với anh H, chị N.

[5] Từ những nhận định trên, thấy rằng đời sống chung của vợ chồng anh H, chị N đang trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do đó, yêu cầu ly hôn của anh Lê Thiện H là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nên Tòa án chấp nhận yêu cầu, cho anh H được ly hôn với chị N.

[6] *Về con chung; Về tài sản chung và về nợ chung:* Do anh Lê Thiện H và chị Võ Thị N đều xác định quá trình chung sống anh chị không có con chung, không tạo lập được tài sản chung, không thiếu nợ ai và cũng không ai nợ anh chị, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Anh Lê Thiện H có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 70, 144, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 19, 51, 53, 54, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27, Tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh

mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Thiện H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Lê Thiện H được ly hôn với chị Võ Thị N.

2. Về con chung; Về tài sản chung; Về nợ chung: Anh Lê Thiện H và chị Võ Thị N xác định không có con chung, không tạo lập được tài sản chung, không thiếu nợ ai và cũng không ai nợ anh chị, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Lê Thiện H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai số 0013892 ngày 12 tháng 5 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã A;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Nhật Thành